

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE



TÀI LIỆU TẬP HUẤN

CHUYÊN ĐỀ

**Nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát
điều tra các vụ án hình sự liên quan đến lĩnh vực
tín dụng - Ngân hàng**

Bến Tre, tháng 6 năm 2013



CHUYÊN ĐỀ
Nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát
điều tra các vụ án hình sự có liên quan đến lĩnh vực
tín dụng - Ngân hàng

Thực hiện kế hoạch số: 34/ KH-VKS ngày 30/01/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giao cho Phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm hình sự về kinh tế-chức vụ (P2) nghiên cứu xây dựng chuyên đề “Nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự có liên quan đến lĩnh vực tín dụng - Ngân hàng”. Qua đó, tạo điều kiện cho Kiểm sát viên thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự loại tội phạm trong lĩnh vực này, đồng thời không hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế, hạn chế bỏ lọt tội phạm.

Về số liệu của chuyên đề được tổng hợp trên cơ sở số liệu và các báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh năm 2011 - 2012. Nội dung chuyên đề gồm 3 phần:

- Phần I: Thực trạng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án xảy ra trong lĩnh vực tín dụng - Ngân hàng
- Phần II: Những kinh nghiệm về thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra đối với những vụ án liên quan đến tín dụng - Ngân hàng.
- Phần III: Một số giải pháp và kiến nghị.

PHẦN I
THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT ĐIỀU
TRA CÁC VỤ ÁN XẢY RA TRONG LĨNH VỰC
TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG

I - Tình hình tội phạm, vi phạm trong lĩnh vực tín dụng-Ngân hàng

Trong thời gian qua, tình hình tội phạm lừa đảo và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Bến tre có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Từ năm 2011 đến nay đã xuất hiện thủ đoạn phạm tội lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực Ngân hàng, tài sản gây thiệt hại hàng tỷ đồng, làm ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường Tài chính và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Ngân hàng, gây ảnh hưởng đến dư luận xấu trong xã hội.

Trong 2 năm 2011, 2012 Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế - chức vụ Công an tỉnh Bến Tre khởi tố 04 vụ/05 bị can liên quan đến hoạt động của Ngân hàng. Viện kiểm sát đã truy tố 04 vụ/05 bị can. Tòa án đã xét xử 04 vụ/05 bị cáo. Trong đó có bị can khởi tố 02 tội lừa đảo và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tài sản các bị can chiếm đoạt: 16.685.575.646đ.



II -Thủ đoạn phạm tội thường thực hiện phổ biến dưới các dạng như sau

1- Dạng thứ 1: Thẻ chấp Ngân hàng bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay, Ngân hàng giám sát không chặt chẽ để khách hàng bán tài sản nhưng không trả nợ Ngân hàng.

Ví dụ: Vào tháng 01 năm 2009, Võ Thị Xuân Lan thành lập Công ty TNHH Hoàng Kim Taxi cùng với một thành viên khác là ông Nguyễn Công Minh (ông Minh đã chết 10/2009). Giấy phép do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 21/01/2009, ngành nghề kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi, cho thuê xe taxi, mua bán bảo dưỡng xe ô tô....Trụ sở giao dịch tại ấp 1, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Khi thành lập Công ty không có vốn và nợ khoảng 1,5 tỷ đồng, để có tiền trả nợ Võ Thị Xuân Lan lập kế hoạch đầu tư kinh doanh taxi và làm khống các tài liệu như báo cáo tài chính, cân đối tài khoản, vốn điều lệ nhằm hợp thức hồ sơ vay 4 tỷ đồng ở Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Bến Tre, theo hợp đồng tín dụng số 01/2009 ngày 10/7/2009. Để có đủ tài sản thế chấp Ngân hàng, ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất hiện có ở thành phố Cần Thơ với diện tích 160,8 m², Võ Thị Xuân Lan còn mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Tấn Thành ở xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre diện tích 3.097,5 m²; mượn của ông Phạm Văn Đường cùng vợ là Lê Thị Màu 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đăng ký ở 02 xã là Tân Lợi Thạnh, Phước Long, huyện Giồng Trôm với tổng diện tích 2.108,9 m² và thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (04 xe ô tô vốn đối ứng, 10 xe ô tô từ vốn vay).

Sau khi hoàn tất các thủ tục thẩm định từ ngày 15 đến ngày 29 tháng 7 năm 2009, Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Bến Tre đã giải ngân đủ 4 tỷ đồng cho Võ Thị Xuân Lan bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ An Thành ở quận 5, thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện các hợp đồng mua bán xe ô tô, nhưng Võ Thị Xuân Lan không sử dụng hết số tiền đó để mua xe ô tô mà yêu cầu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ An Thành chuyển vào tài khoản của Lan số tiền là 907.193.400 đồng nhằm sử dụng vào việc khác.

Số tiền còn lại Võ Thị Xuân Lan mua 05 xe ô tô gồm: 4 xe INNOVA và 01 xe VIOS, sau khi nhận xe về Lan làm thủ tục đăng ký xe nhưng không nộp giấy tờ xe cho Ngân hàng theo cam kết mà đem bán hết toàn bộ số xe mà Lan đã hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng, chỉ còn lại 03 chiếc ô tô hiệu JRD (vốn đối ứng) Lan đem cầm cố cho những người như: Phạm Từ Nghĩa ở khu phố 1 TP.Bến Tre 01 chiếc BS: 71T.9834, Võ Thanh Hải ở ấp Phú Phong, xã Quới Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre 01 chiếc BS: 71T.9875 và cầm cố cho chị Bùi Thị Sương ở ấp 2, xã Bình Thắng, huyện Bình Đại 01 chiếc BS: 71T.9817. Số tiền bán xe Võ Thị Xuân Lan đem trả nợ cho Nguyễn Anh Kiệt ở huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: 960.000.000 đồng, trả nợ cho bà Phạm Thị Cúc ở quận 3, thành phố Hồ Chí Minh: 520.000.000 đồng, trả tiền thuê đất cho bà Huỳnh Thị Tước: 300.000.000 đồng, trả tiền xây dựng trụ sở công ty cho Phạm



Tấn Lộc và Võ Hồng Nam: 667.068.000 đồng, đóng lãi tiền cầm cố xe: 85.319.200 đồng, đóng lệ phí trước bạ: 111.473.600 đồng, mua 01 xe AIRBLADE cho Lê Văn Tường - cán bộ Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Bến Tre: 38.500.000 đồng, mua bảo hiểm xe: 120.000.000 đồng, đưa cho ông Võ Tấn Thành và ông Phạm Văn Đường: 163.000.000 đồng, trả lãi cho Ngân hàng: 182.784.839 đồng. Tổng cộng: 3.148.145.639 đồng. Số tiền còn lại Võ Thị Xuân Lan chi xài không giải trình được.

Trước khi khởi tố vụ án, Võ Thị Xuân Lan đã trả tiền nợ gốc cho Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Bến Tre: 1.186.000.000 đồng. Như vậy Võ Thị Xuân Lan còn chiếm đoạt là 2.814.000.000 đồng.

2. Dạng thứ 2: Lập hợp đồng vay khống thể chấp vay vốn ngân hàng và nhận trả lãi giúp hoặc mượn tiền vay của khách hàng rồi chiếm đoạt.

Ví dụ: Nguyễn Duy Khoa là cán bộ tín dụng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (viết tắt NHNo&PTNT) - Chi nhánh tỉnh Bến Tre, được giao phụ trách thẩm định hồ sơ cho vay các khách hàng ở các địa bàn như phường Phú Khương (thành phố Bến Tre); xã Tam Phước, Phước Thạnh, Hữu Định (huyện Châu Thành); địa bàn huyện Bình Đại. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2011, Nguyễn Duy Khoa lợi dụng nhiệm vụ được giao thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản như sau:

- Hành vi gian dối làm hồ sơ giả vay vốn NHNo&PTNT:

Nguyễn Duy Khoa lợi dụng tài sản thế chấp của các khách hàng đang vay vốn ở Ngân hàng, đưa tên người khác vào danh sách thành viên gia đình của khách hàng, giả chữ ký khách hàng để lập 06 bộ hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của NHNo&PTNT - Chi nhánh tỉnh Bến Tre số tiền: 1.455.398.399 đ. Cụ thể như sau:

1- Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm; ĐKTT: Số 504C1, khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã vay NHNo&PTNT- Chi nhánh tỉnh Bến Tre ngày 08/5/2009, số tiền: 200.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: SK 363077; số thửa: 142; tờ bản đồ số: 34; diện tích 238,7 m² tại phường Phú Khương, thành phố Bến Tre. Khoa biết tài sản thế chấp của bà Trâm còn vay được nên tự làm biên bản đánh giá lại tài sản thế chấp có giá trị từ 358.050.000đ lên 716.100.000đ, nhờ bạn tên Nguyễn Thiện Trung; ĐKTT: Số 7C3, khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đứng tên vay 02 hợp đồng số LAV 201000684 ngày 21/7/2010 số tiền: 330.000.000đ và số LAV 201000741 ngày 10/8/2010 số tiền: 120.000.000 đ, mục đích vay để xây nhà trọ, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay, sau khi giải ngân, ông Trung nhận tiền và giao lại cho Nguyễn Duy Khoa, tổng số tiền 450.000.000 đồng. Đến ngày 17/11/ 2010, Khoa trả nợ gốc : 20.000.000 đ; còn chiếm đoạt số tiền 430.000.000đ.

2 - Khoảng tháng 8/2010 bà Trương Thị Kiều Oanh; ĐKTT: Số 537, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có đưa cho ông Phạm Văn Bảy; ĐC: Số 218B, khu phố 1, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC- 172355 (bản chính) có diện tích 500,4 m²; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu (bản sao) để nhờ Khoa làm thủ tục vay tiền. Khi có các giấy tờ



này, Khoa nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng nên giả chữ ký của bà Oanh làm hồ sơ vay vốn với mục đích mua xe tải và nhờ ông Trần Đình Pháp; ĐKTT: Số 98, đường 3/2, phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đứng tên người vay trong Hợp đồng tín dụng, Khoa tự định giá tài sản thế chấp đưa cho ông Pháp đến UBND Phường 3, thành phố Bến Tre xác nhận giấy đề nghị vay vốn, sau đó Khoa đem hồ sơ đến Phòng công chứng số 1, Sở Tư Pháp Bến Tre công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất kèm Hợp đồng tín dụng số 10.80.10.1039 HĐTD ngày 31/8/2010, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay. Khi giải ngân, ông Pháp nhận tiền và giao cho Nguyễn Duy Khoa, số tiền Khoa chiếm đoạt là 350.000.000đ. Khoảng 10 ngày sau, Khoa đến phòng kế toán- ngân quỹ mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Oanh để đăng ký thế chấp ở phòng Tài nguyên môi trường nhưng Khoa không đi đăng ký mà đem trả lại cho bà Oanh.

3 - Ông Phạm Văn Tâm; ĐKTT: Số 130, ấp 3, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre ngày 05/02/2010 có vay NHNo&PTNT - Chi nhánh tỉnh Bến Tre số tiền 70.000.000đ, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 803989; thửa đất số: 119; tờ bản đồ số: 5; diện tích 1.400m² tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, ngày 09/7/2010 ông Tâm trả hết nợ Ngân hàng (BL 205) và nhờ Khoa lấy giùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Khoa không lấy trả cho ông Tâm mà giả chữ ký của ông Tâm và vợ ông Tâm là Hứa Ngọc Hiền để lập 02 bộ hồ sơ vay (Hợp đồng số LAV 201000610 ngày 09/7/2010 và hợp đồng LAV 201000644 ngày 14/7/2010) mục đích mua xe tải và xây nhà trọ, Khoa tự định giá tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tâm có giá trị từ 140.000.000đ lên 420.000.000đ để vay số tiền 360.000.000đ, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay. Sau đó, Khoa trực tiếp xuống phòng kế toán ngân quỹ dùng giấy chứng minh nhân dân của ông Tâm nhận tiền vay. Đến ngày 15/3/2011, Khoa trả nợ gốc: 34.601.601đ còn chiếm đoạt số tiền: 325.398.399 đ.

4 - Bà Võ Thị Tắt; ĐKTT: Số 570C, khu phố 6, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đưa cho ông Lâm Hải Thủy (con rể); ĐC: Số 570C1, khu phố 1, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: P 568824; Số thửa: 83; tờ bản đồ số: 50; diện tích 4.298 m² (bản chính) tại phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu (bản sao) đến nhờ Khoa làm thủ tục vay số tiền 30.000.000đ. Khoa hướng dẫn cho ông Thủy do bà Tắt lớn tuổi (SN: 1930) nên không được đứng tên vay phải nhờ người khác vay, được bà Tắt, ông Thủy đồng ý nên Khoa làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm tiền vay đưa cho ông Thủy đem về nhà cho bà Tắt ký, bên vay vốn đứng tên Hồ Minh Lộc; ĐKTT: Số 217 C, khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre Lợi dụng sự tin tưởng của bà Tắt và ông Thủy, Nguyễn Duy Khoa đã làm hợp đồng vay số 11.80.07.1001/HĐTD ngày 16/02/2011; số tiền 350.000.000đ, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay. Khi giải ngân ông Hồ Minh Lộc trực tiếp nhận tiền và đưa hết cho Khoa. Bà Tắt và ông Thủy hoàn toàn không biết việc này. Khoa chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đ.



- Hành vi nhận trả lãi giúp hoặc mượn tiền vay của khách hàng chiếm đoạt tài sản:

Sau khi vay được vốn, có một số khách hàng cho Nguyễn Duy Khoa mượn tiền (từ tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Bến Tre) và gửi trước tiền đóng tiền lãi, lợi dụng sự tín nhiệm đó, Nguyễn Duy Khoa đã chiếm đoạt và bỏ trốn khỏi địa phương, cụ thể như sau:

1- Ngày 18/01/2011, Nguyễn Duy Khoa nhận của bà Phạm Thị Chích; địa chỉ: Ấp 1, xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre số tiền: 117.000.000đ, trong đó: mượn (từ tiền vay của hợp đồng số LAV 201100031 ngày 16/1/2011) số tiền: 100.000.000đ và gửi đóng lãi số tiền: 17.000.000đ; Khoa đã trả tổng cộng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng: 37.000.000đ; Số tiền Khoa chiếm đoạt: 80.000.000đ.

2. Ngày 12/01/2011, Nguyễn Duy Khoa nhận của ông Lê Văn Châu; địa chỉ: Ấp 6, xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre số tiền 117.000.000đ, trong đó: mượn (từ hợp đồng vay số LAV 201100022 ngày 12/01/2011) số tiền : 100.000.000đ và gửi đóng lãi số tiền 17.000.000đ. Khoa trả tổng cộng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng: 9.711.888đ; Số tiền Khoa chiếm đoạt: 107.288.112đ.

3. Ngày 23/6/2010 Nguyễn Duy Khoa nhận của ông Võ Văn Tùng; địa chỉ: ấp 8, xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre số tiền: 205.000.000đ, trong đó: mượn (từ hợp đồng vay số 10.80.22.1012 ngày 20/6/2010) số tiền: 200.000.000đ và gửi đóng lãi số tiền 5.000.000đ. Khoa trả tổng cộng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng: 5.000.000đ; Số tiền Khoa chiếm đoạt: 200.000.000đ.

4. Ngày 05/01/2011, Nguyễn Duy Khoa mượn của ông Tăng Duy Hùng; địa chỉ số 18 Lý Thường Kiệt, phường 2, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre số tiền 150.000.000đ (từ tiền vay của hợp đồng số LAV 201100003 ngày 05/01/2011) và chiếm đoạt số tiền này.

5. Ngày 10/12/2010, Nguyễn Duy Khoa mượn của bà Trần Thị Em; địa chỉ: Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre số tiền 120.000.000đ (từ tiền vay của hợp đồng số LAV 201001102 ngày 07/12/2010) và chiếm đoạt số tiền này

Ngoài ra, còn một số người khai có cho Nguyễn Duy Khoa mượn tiền như: ông Phạm Văn Bảy số tiền 449.000.000đ; ông Lâm Hải Thủy số tiền 100.000.000đ nhưng không có giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở buộc bị can chiếm đoạt

Đến ngày 18/01/2011, Nguyễn Duy Khoa mượn tổng cộng của 05 khách hàng số tiền 709.000.000 đ (trong đó: mượn từ tiền vay: 670.000.000đ, tiền gửi đóng lãi: 39.000.000đ); Khoa đã trả cho khách hàng và đóng lãi số tiền: 51.711.888 đ; Số tiền Khoa chiếm đoạt: 657.288.112đ.

Tổng số tiền Nguyễn Duy Khoa chiếm đoạt của Ngân hàng và các khách hàng là: 2.112.686.511 đ, trong số tiền này bị can đã sử dụng như sau: cho 05 khách hàng mượn để nộp tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, số tiền: 55.840.042đ gồm có:

1. Ông Lữ Văn Mạnh; địa chỉ: Ấp 3, xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hiện còn nợ Khoa số tiền 11.000.000đ.



2. Ông Huỳnh Văn Mười; địa chỉ: Ấp 4, xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hiện còn nợ Khoa số tiền: 10.000.000đ.

3. Bà Hồ Thị Thanh Loan; địa chỉ: Ấp Tân An, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre mượn số tiền 6.386.334đ để nộp tiền lãi. Hiện bà Loan chưa trả lại số tiền trên cho Khoa và bà đã bỏ đi khỏi địa phương.

4. Bà Phạm Thị Phấn; địa chỉ: Ấp 7, xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre mượn số tiền: 53.523.560đ để nộp tiền gốc và lãi cho Ngân hàng (tiền gốc: 23.000.000đ, tiền lãi: 30.523.560đ); bà Phấn trả lại cho Khoa số tiền: 38.523.560đ. Hiện bà Phạm Thị Phấn còn nợ Khoa số tiền: 15.000.000đ. Qua làm việc bà Phấn không thừa nhận còn nợ bị can số tiền trên nhưng căn cứ vào giấy nhận nợ có chữ ký của bà Phấn, có cơ sở kết luận bà Phấn còn nợ Khoa số tiền 15.000.000đ.

5. Ông Nguyễn Mộng Hùng; địa chỉ: Ấp 4, xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre hiện ông Hùng còn nợ Khoa số tiền: 13.453.708đ.

Số tiền chiếm đoạt còn lại, Nguyễn Duy Khoa dùng để mua 01 thửa đất của ông Trương Văn Gấm có diện tích 401,4 m², số tiền: 240.000.000đ (bị can đã trả: 185.000.000đ còn nợ ông Gấm số tiền 55.000.000đ); Trả lãi Ngân hàng tiền vay của 06 bộ hồ sơ không số tiền: 118.819.816 đ; số tiền còn lại bị can tiêu xài cá nhân và sang Campuchia đánh bạc thua hết.

3. Dạng thứ 3: Thông qua hợp đồng vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng lập hợp đồng vay vốn không chuyển vào thẻ ATM của khách hàng rồi chiếm đoạt.

Ví dụ: Đỗ Thanh Hùng là cán bộ tín dụng của Chi nhánh NHNN&PTNT huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, được giao phụ trách địa bàn 02 xã Mỹ Thành, Tường Đa. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 3/2011, Đỗ Thanh Hùng lợi dụng nhiệm vụ được giao lập giả 12 bộ hồ sơ của 09 khách hàng đã vay vốn trước đó để chiếm đoạt số tiền 1.925.000.000 đồng.

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt, Hùng xem các hồ sơ vay vốn thuộc địa bàn mình quản lý còn giá trị tài sản thế chấp lớn, trong đó có 09 khách hàng Hùng photo hồ sơ giữ lại và lợi dụng vào chính sách Ngân hàng khuyến khích người vay vốn giao dịch với Ngân hàng thông qua thẻ ATM, nên Hùng giả chữ ký khách hàng làm không 12 bộ hồ sơ vay vốn trình lãnh đạo Ngân hàng duyệt để giải ngân thông qua tài khoản ATM của khách hàng và Hùng nhận thẻ ATM không giao cho khách hàng mà giữ thẻ lại để chiếm đoạt tiền cụ thể như:

1. Ông Trần Văn Đệ - ĐKTT: Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 02/8/2010, số tiền: 60.000.000 đồng, thế chấp 02 sổ đất với tổng diện tích 4.514,5 m², được vay số tiền tối đa 210.435.000 đồng. Ngày 12/8/2010, Hùng lập phương án giả mục đích vay để chăn nuôi và mua bán trái cây, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay 100.000.000 đồng và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205028686 của ông Đệ. Hùng dùng thẻ ATM của ông Đệ rút tiền chiếm đoạt 100.000.000 đồng.

2. Bà Trần Thị Thủy - ĐKTT: Ấp Thạnh Hưng, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã vay ngày 05/8/2010, số tiền: 41.000.000 đồng, thế chấp 02 sổ đất với tổng diện tích 12.200 m², được vay số tiền tối đa 594.750.000 đồng. Hùng lập 03 hồ sơ giả gồm:

- Hồ sơ vay ngày: 16/8/2010; Số tiền: 250.000.000 đồng.
- Hồ sơ vay ngày: 01/10/2010; Số tiền 150.000.000 đồng.
- Hồ sơ vay ngày 29/10/2010; Số tiền 110.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay 510.000.000 đồng và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205028374 của bà Thủy, Hùng sử dụng thẻ ATM của bà Thủy rút, chiếm đoạt toàn bộ số tiền 510.000.000 đồng.

3. Bà Lê Thị Mười - ĐKTT: Ấp Thanh Bình, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 12/8/2010, số tiền: 50.000.000 đồng, thế chấp 02 sô đất với diện tích 8.800 m², được vay số tiền tối đa 311.700.000 đồng. Ngày 13/9/2010, Hùng lập phương án giả vay chăn nuôi heo và mua bán dừa, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205028380 của bà Lê Thị Mười. Hùng dùng thẻ ATM của bà Mười rút tiền chiếm đoạt 100.000.000 đồng.

4. Ông Nguyễn Văn Quang - ĐKTT: Ấp Bình An, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 02/7/2010, số tiền: 9.000.000 đồng, thế chấp 01 sô đất với diện tích 2.100 m², được vay số tiền tối đa 132.300.000 đồng. Ngày 08/10/2010, Hùng lập phương án giả vay chăn nuôi heo, bò và chăm sóc vườn được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205022326 của ông Nguyễn Văn Quang. Hùng dùng thẻ ATM của ông Quang rút tiền chiếm đoạt 110.000.000 đồng.

5. Ông Huỳnh Văn Hai - ĐKTT: Ấp Bình An, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 02/02/2010 và ngày 22/9/2010, số tiền: 135.000.000 đồng, thế chấp 02 sô đất với diện tích 4.450 m², được vay số tiền tối đa 240.300.000 đồng. Ngày 15/10/2010, Hùng lập phương án giả vay chăm sóc vườn, mua bán gỗ, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205040000 của ông Huỳnh Văn Hai. Hùng dùng thẻ ATM của ông Hai rút tiền chiếm đoạt 95.000.000 đồng.

6. Ông Nguyễn Thành Thương - ĐKTT: Ấp Thanh Hưng, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 24/9/2010, số tiền: 60.000.000 đồng, thế chấp 01 sô đất với diện tích 13.299,9 m², được vay số tiền tối đa 598.495.500 đồng. Ngày 16/11/2010, Hùng lập phương án giả vay sửa nhà ở được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205039920 của ông Nguyễn Thành Thương. Hùng dùng thẻ ATM của ông Thương rút tiền chiếm đoạt 250.000.000 đồng.

7. Bà Huỳnh Thị Điệp - ĐKTT: Ấp Đình Thọ, xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 29/9/2010, số tiền: 40.000.000 đồng, thế chấp 01 sô đất với diện tích 7.550 m², được vay số tiền tối đa 339.750.000 đồng, Hùng lập 02 hồ sơ vay:

- Hồ sơ vay ngày: 27/10/2010; Số tiền: 120.000.000 đồng.
- Hồ sơ vay ngày: 07/01/2011; Số tiền: 160.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay: 280.000.000 đồng và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205041104 của bà Huỳnh Thị Điệp. Hùng dùng thẻ ATM của bà Điệp rút tiền chiếm đoạt 280.000.000 đồng.

8. Ông Bùi Văn Kiên - ĐKTT: Ấp Mỹ Hoà, xã Mỹ Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã vay ngày 02/4/2010, số tiền: 100.000.000 đồng, thế chấp



01 sổ đất với diện tích 8.675 m², được vay số tiền tối đa 546.525.000 đồng. Ngày 11/3/2011, Hùng lập phương án giả để vay. Do ông Kiên không mở thẻ ATM nên Hùng đưa tên ông Bùi Văn Mỹ vào danh sách thành viên trong gia đình, sau đó làm giả giấy uỷ quyền đến UBND xã Mỹ Thành xác nhận, được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205074779 của ông Bùi Văn Mỹ. Hùng dùng thẻ ATM của ông Mỹ rút tiền chiếm đoạt 250.000.000 đồng.

9. Ông Mai Văn Ánh - ĐKTT: Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vay ngày 21/4/2010, số tiền: 100.000.000 đồng, thế chấp 02 sổ đất với diện tích 5.234 m², được vay số tiền tối đa 329.742.000 đồng. Ngày 22/02/2011, Hùng lập phương án giả để vay. Do ông Ánh không mở thẻ ATM nên Hùng đã đưa tên ông Nguyễn Văn Quang vào danh sách các thành viên trong gia đình, sau đó làm giả giấy uỷ quyền đến UBND xã Mỹ Thành xác nhận được lãnh đạo Ngân hàng duyệt cho vay và giải ngân vào tài khoản ATM: 7108205022326 của ông Nguyễn Văn Quang. Hùng dùng thẻ ATM của ông Quang rút tiền chiếm đoạt 230.000.000 đồng

Tổng số tiền vay từ 12 hồ sơ giả Hùng đã chiếm đoạt là 1.925.000.000 đồng, trong đó Hùng rút trực tiếp tiền mặt: 1.117.475.000 đồng; chuyển khoản vào tài khoản 7108207000100 của Hùng số tiền: 807.525.000 đồng. Với số tiền trên Đỗ Thanh Hùng sử dụng để trả nợ, lỗ chứng khoán, mua xe mô tô, máy lạnh, mua hoa kiểng, đi du lịch, cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân.

PHẦN II

NHỮNG KINH NGHIỆM VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI NHỮNG VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN TÍN DỤNG - NGÂN HÀNG

I . Kiểm tra những vi phạm pháp luật về cho vay của tổ chức tín dụng-Ngân hàng

+ Vi phạm về điều kiện vay vốn: Cho vay khách hàng không đủ năng lực tài chính, không đủ vốn tự có và khả năng để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh. Cụ thể vụ án xảy ra tại Công ty TNHH Hoàng Kim Taxi, khi thành lập Công ty không có vốn và nợ khoảng 1,5 tỷ đồng, để có tiền trả nợ Võ Thị Xuân Lan lập kế hoạch đầu tư kinh doanh taxi và làm khống các tài liệu như báo cáo tài chính, cân đối tài khoản, vốn điều lệ nhằm hợp thức hồ sơ vay 4 tỷ đồng ở Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Bến Tre.

+ Vi phạm về nguyên tắc vay vốn: Khách hàng sử dụng vốn sai mục đích; vay hộ người khác; vay mới để trả nợ; Chậm trả lãi theo thỏa thuận cam kết trên hợp đồng tín dụng.

+ Vi phạm về hồ sơ vay vốn: Không có đầy đủ tài liệu chứng minh cho việc sử dụng mục đích vay vốn; Không có hồ sơ tài liệu chứng minh nguồn thu nhập; Đăng ký kinh doanh thay đổi nhưng chưa thay đổi điều lệ hoạt động của Công ty... Vụ án Nguyễn Duy Khoa, khách hàng Nguyễn Thiện Trung không có giấy phép xây dựng, kinh doanh nhà trọ cho thuê



+ Vi phạm về thẩm định: Thiếu chứng từ làm cơ sở giải ngân, Khách hàng không có phương án vay vốn, phương án lập sơ sai... Vụ án Nguyễn Duy Khoa, việc thẩm định dự án vay vốn quá sơ sài, nhiều thiếu sót, nhưng thiếu kiểm tra của những người có trách nhiệm liên quan. Cụ thể hồ sơ pháp lý không chứng minh được Ông Trần Đình Pháp là đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn không xác định rõ mối quan hệ giữa Ông Trần Đình Pháp với Bà Trương Thị Kiều Oanh...

+ Vi phạm về kiểm tra, giám sát vốn vay: Chưa kiểm tra sau khi vay; Kiểm tra giám sát sử dụng vốn vay chưa chặt chẽ, trong hồ sơ không có tài liệu liên quan đến quá trình sử dụng vốn vay... Vụ án Đỗ Thanh Hùng, toàn bộ biên bản định giá tài sản ban đầu do Đỗ Thanh Hùng lập sau đó trình Lãnh đạo Ngân hàng ký sau nên biên bản định giá không có mặt của chủ sở hữu tài sản.

+ Vi phạm về bảo đảm tiền vay: Chưa lập hợp đồng bảo đảm tiền vay đối với các tài sản bảo đảm, chưa có hợp đồng thế chấp tài sản, chưa định giá tài sản, không có công chứng, chứng thực theo quy định...

+ Vi phạm về phân loại nợ: Phân loại nợ không chính xác, chuyển nhóm nợ không chính xác...

+ Vi phạm về công tác kế toán: Chưa theo dõi, quản lý được từng khoản tạm ứng, quyết toán tạm ứng chưa đúng mục đích, nội dung, tính chất của các khoản tạm ứng...

II. Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án Lừa đảo, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Trên cơ sở giải quyết những vụ án lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra trong lĩnh vực Ngân hàng thời gian qua có thể rút ra một số kinh nghiệm như sau:

+ Những kỹ năng thuộc quy định của Bộ luật hình sự và Quy chế của ngành

Đối với loại án này Kiểm sát viên phải xác định rõ các yêu cầu cần chứng minh ngay từ khi kiểm sát tin báo tội phạm chiếm đoạt phát sinh từ hợp đồng dân sự, kinh tế, cụ thể như sau:

* Yêu cầu xác định thời hạn thanh toán, thời hạn trong hợp đồng:

+ Yêu cầu Cơ quan giải quyết tin báo làm rõ thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản thỏa thuận trong hợp đồng để xác định nghĩa vụ phải trả tài sản. Nếu tài liệu xác minh điều tra không chứng minh được thời hạn phải trả tài sản hoặc nếu thời hạn thanh toán chưa đến thì không có căn cứ xác định nghĩa vụ và chưa có cơ sở khẳng định họ từ chối nghĩa vụ thanh toán, do đó chưa có căn cứ để đánh giá hành vi chiếm đoạt tài sản đó của người bị tố cáo.

+ Trường hợp đến thời hạn thanh toán mà người bị tố cáo không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chứng minh các dấu hiệu đặc trưng cơ bản trong cấu thành tội phạm của các tội chiếm đoạt.

* Yêu cầu xác định quyền về tài sản được bảo vệ theo pháp luật hình sự để xác định người bị hại trong vụ án: Các căn cứ để xác định quyền về tài sản bị xâm phạm trong tội lạm dụng và lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm: Đơn tố cáo của người có tài sản bị xâm phạm; xác định đối tượng và giá trị tài sản bị chiếm



đoạt. Không được nhầm lẫn giữa người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

* Phải nắm vững các dấu hiệu đặc trưng cơ bản về mặt khách quan và chủ quan trong cấu thành tội phạm của các loại tội này được Bộ luật hình sự quy định cần phải chứng minh, nhất là các tình tiết “Thủ đoạn gian dối”, “mục đích chiếm đoạt”, “sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp”, “bỏ trốn”.

Để làm rõ nội dung trên cần xác định hành vi chiếm đoạt tài sản. Các vấn đề cần quan tâm để làm rõ là:

Thứ nhất : Lời khai của người bị hại về phương thức, thủ đoạn của người chiếm đoạt tài sản (người bị tố cáo).

Thứ hai: Lời khai của người bị tố cáo về ý định chiếm đoạt tài sản. Nhận thức chủ quan về khả năng trả lại tài sản cho người bị hại (nếu có).

Thứ ba: Những hành vi của người bị tố cáo ở giai đoạn trước khi chuẩn bị cho việc ký kết hợp đồng và trong khi ký kết hợp đồng. Xem xét để xác định ở thời điểm này, những hành vi giao dịch thực hiện các thủ tục pháp lý có gian dối hay không hoặc có hành vi khuyếch trương, phóng đại về tài sản, về khả năng kinh doanh, điều kiện thực hiện nghĩa vụ để tạo niềm tin với người bị hại hay không.

Để chứng minh các nội dung trên cần quan tâm làm rõ:

- Người bị tố cáo có tạo ra các điều kiện về tài sản, giả tạo các giấy tờ để làm cho người có tài sản tin người phạm tội có đủ tư cách để thực hiện giao dịch và giao tài sản hay không.

- Hành vi biểu hiện ra bên ngoài (thông qua lời nói, hành động phô trương) về khả năng thanh toán, tình trạng tài sản, khả năng tổ chức kinh doanh hoàn toàn không đúng với thực tế. Điều này làm cho người có tài sản tin và giao tài sản cho người phạm tội.

Thứ tư: Nghĩa vụ mà người phạm tội phải thực hiện. Nếu nghĩa vụ phải thực hiện không thực tế hoặc không thể thực hiện được mà người phạm tội vẫn đưa ra và thỏa thuận với người khác, điều này chứng tỏ người phạm tội không quan tâm đến nghĩa vụ phải thực hiện, như vậy họ đã có ý định chiếm đoạt tài sản trước khi ký kết hợp đồng.

Thứ năm: Điều kiện và khả năng thực tế để đảm bảo các nghĩa vụ trong hợp đồng. Nếu chứng minh người bị tố cáo không hề có điều kiện tài chính để thanh toán, không còn khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh, không có thu nhập gì để thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng mà họ vẫn chủ động đề nghị giao kết chứng tỏ ý thức chủ quan của người phạm tội đã có ý định chiếm đoạt tài sản.

Chứng minh người phạm tội bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản: Một người có hành vi “bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản” là thực hiện việc bỏ đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi ở, nơi tạm trú, nơi làm việc để thực hiện mục đích chối bỏ nghĩa vụ trả tài sản. Như vậy, cần chứng minh việc bỏ trốn của người bị tố cáo là trốn tránh người bị hại để không thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Các nội dung phải chứng minh để xác định một người bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản gồm 05 vấn đề sau:



- Không có cam kết với bị hại hoặc không giao cho gia đình tiền, tài sản... để thanh toán, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản. Người bị hại đã tìm cách liên lạc, tìm gặp (thông qua điện thoại, nhắn tin qua người thân trong gia đình, bạn bè, cơ quan) nhưng không có kết quả.

- Tài liệu xác minh không có mặt tại nơi thường trú, việc không khai báo chuyển nơi ở hoặc tạm vắng của người trốn với cơ quan nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú. Việc bán nhà cửa tẩu tán tài sản (nếu có).

- Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của bố mẹ, vợ, chồng, con, người thân khác về lý do bỏ trốn của người trốn, cùng với lời khai người quản lý, chủ sở hữu tài sản để chứng minh không có việc người bỏ trốn bị đe dọa, hoặc sợ bị dùng vũ lực của người bị hại.

- Tài liệu xác minh vắng mặt, không đến làm việc tại nơi làm việc (nếu có).

- Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết tố cáo đã đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu người bị tố cáo có mặt để giải quyết tố cáo mà không có kết quả.

Chứng minh người phạm tội dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản: Thủ đoạn gian dối xảy ra sau khi người phạm tội nhận được tài sản, có thể trong quá trình sử dụng tài sản hoặc đến thời điểm phải thanh toán trả tài sản theo giao kết nhưng do có ý định không muốn trả lại tài sản nên người phạm tội đã sử dụng thủ đoạn gian dối để che giấu hoặc thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hành vi gian dối thường các dạng sau:

+ Người phạm tội đánh tráo, sửa chữa rút bớt số lượng tài sản trong giấy giao kết... hoặc lập ra tài liệu, chứng từ không... về sử dụng tài sản và người phạm tội đã sử dụng để quyết toán, thanh toán đối chiếu công nợ với người có tài sản, hoặc tài liệu giả tạo đã làm thay đổi bản chất nghĩa vụ trả lại tài sản. Để xác định tài liệu sửa chữa, tài liệu giả hay thật phải trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký có phải do chính người phạm tội thực hiện hay không; đồng thời so sánh với các tài liệu gốc thu thập được.

+ Người phạm tội tạo dựng việc bị người khác chiếm đoạt hoặc chiếm giữ không trả lại tài sản để chứng minh với chủ sở hữu về việc không trả lại tài sản là vì lý do khách quan. Có nhiều trường hợp người phạm tội đã thông đồng với người khác để tạo lập hợp đồng giả về việc giao nhận tài sản, sau đó yêu cầu công chứng hoặc UBND chứng thực. Nếu người phạm tội đã thông đồng với người khác để tạo lập hợp đồng giả về việc giao nhận tài sản, sau đó yêu cầu công chứng thì phải tiến hành ghi đầy đủ lời khai của những người có liên quan xác định việc tạo lập sự kiện giả, tài liệu giả. Kiểm sát viên phải đề nghị Điều tra viên hướng dẫn đương sự đề nghị Tòa án xử lý hợp đồng công chứng vô hiệu xong mới có cơ sở để xem xét hành vi của người bị tố cáo theo tố tụng hình sự. Việc chờ Tòa án xử lý hợp đồng vô hiệu là bắt buộc, vì đây là cơ sở để xác định hành vi gian dối của người phạm tội.

- Chứng minh người bị tố cáo sử dụng tài sản có được qua việc ký kết hợp đồng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản: sử dụng vào mục đích bất hợp pháp (là nguyên nhân) có mối quan hệ biện chứng với hậu quả không có khả năng trả lại tài sản (là kết quả).



+ Sử dụng vào mục đích bất hợp pháp là đã sử dụng tài sản thực hiện các hành vi bị pháp luật cấm hoặc hành vi bị coi là tội phạm. Thông thường là các hành vi: Sử dụng tài sản để kinh doanh trái phép, hối lộ, để buôn lậu, để buôn bán hàng cấm, để mua bán, sử dụng ma túy, hoặc để đánh bạc... căn cứ chứng minh là lời khai của người bị tố cáo có sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp và các tài liệu khác (biên bản xác minh, lời khai của nhân chứng xác định về thời gian, không gian, địa điểm của hành vi sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, hoặc cũng có thể là chứng cứ gián tiếp như lời khai của bố mẹ, vợ con, bạn bè có biết, có nghe người phạm tội kể) để đánh giá lời khai của người bị tố cáo về việc sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp là có căn cứ.

+ Chứng minh hậu quả “dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản” do hành vi sử dụng tài sản vào việc bất hợp pháp gây ra. Khả năng trả lại tài sản được xác định bằng tài sản hiện tại của người phạm tội như: tiền, nhà đất, các nguồn vốn đầu tư, tài sản khác... Nếu rõ ràng họ có khả năng thực tế về tài sản để thu hồi được thì không thỏa mãn cấu thành tội phạm; cần tôn trọng các nguyên tắc điều chỉnh của luật dân sự, kinh tế, nên coi hành vi đó là vi phạm nghĩa vụ và người bị vi phạm có thể khởi kiện ra Tòa dân sự, kinh tế để các cơ quan này áp dụng các biện pháp niêm phong, kê biên tài sản nhằm thu hồi tài sản, đảm bảo việc thanh toán.

Khả năng trả lại tài sản còn được xác định là tài sản của bố mẹ, vợ con người phạm tội nếu họ chấp nhận và thực hiện bỏ tài sản ra để thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản cho người phạm tội trước khi khởi tố vụ án. Nếu tài sản của người phạm tội, bố, mẹ, vợ con không thỏa mãn các yếu tố trên thì xác định là không có khả năng trả lại tài sản. Do đó cần ghi lời khai của những người trên để xem họ có chấp nhận bỏ tài sản ra để khắc phục cho người bị tố cáo không?

PHẦN III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Một số giải pháp về công tác quản lý chỉ đạo phối hợp trong quá trình giải quyết án Lừa đảo, Lạm dụng tín nhiệm

- Trong công tác chỉ đạo điều hành cần quán triệt và khắc phục tư tưởng áp dụng pháp luật hình sự để đánh giá, xem xét, xử lý các vi phạm nghĩa vụ trong quan hệ hợp đồng dân sự, kinh tế, mà cần phải nhìn nhận, ưu tiên áp dụng pháp luật dân sự, kinh tế để xem xét, đánh giá các vi phạm. Như vậy mới tránh được hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế.

- Quản lý chặt chẽ và chỉ đạo sâu sát quá trình giải quyết các tin báo tố giác tội phạm phát sinh từ các quan hệ hợp đồng dân sự, kinh tế; thận trọng trong đánh giá chứng cứ, đặc biệt trong giai đoạn khởi tố vụ án, bị can và bắt tạm giam (vì hầu hết loại án này nếu khởi tố đều có giá trị tài sản chiếm đoạt thuộc khung hình phạt rất nghiêm trọng trở lên).

- Đối với những việc phức tạp cần thảo luận trong tập thể lãnh đạo, tranh thủ sự hướng dẫn của đơn vị nghiệp vụ Viện kiểm sát cấp trên và đưa ra hợp liên ngành để đánh giá chứng cứ.



2. Kiến nghị

Trong công tác thực tiễn cho thấy đây là loại án đang phát sinh nhiều trong tình hình kinh tế suy thoái và địa phương đang gặp nhiều khó khăn, lúng túng khi giải quyết, vì vậy đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

+ Có những chỉ đạo kịp thời về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử loại tội phạm này.

+ Liên ngành trung ương cần có những hướng dẫn bước đầu về các dấu hiệu đặt trưng của thủ đoạn gian dối trong tội Lừa đảo, tội Lạm dụng? Thế nào là bỏ trốn trong tội Lạm dụng? Thế nào là sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến mất khả năng chi trả.

Trên đây là Chuyên đề nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự liên quan đến lĩnh vực tín dụng - Ngân hàng.

CẨM NANG HÌNH SỰ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CAMNANGHINHSU.COM

